|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND  **DỰ THẢO**  ***29.02.2024*** | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi**

**diện Thành ủy quản lý**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý (thay thế Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố) (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Chủ trương của Đảng**

- Mục 1 Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026: *“Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Giai đoạn 2021 - 2026, toàn hệ thống chính trị* ***tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước****”.*

- Mục 2.2 Phần II Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập: *“Đến năm 2025:... Tiếp tục giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021...; Đến năm 2030:... Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025”.*

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025 “*Hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố sang phía Bắc Sông Cấm. Xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và “*Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị một cấp và hai cấp hành chính*”.

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

**2. Quy định của pháp luật**

- Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020: *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được* ***sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó*** *hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan khác có thẩm quyền”.*

- Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định* ***biện pháp có tính chất đặc thù*** *phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.*

- Điểm g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế: Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh *“Trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ thêm đối với đối tượng tinh giản biên chế”.*

- Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030: *“Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn”*.

- Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã “*Đến năm 2025: Thực hiện việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện để mở rộng quận Hồng Bàng và thành lập quận An Dương, thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên (bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên)*”.

- Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2023, quy định hết hiệu lực thi hành đối với Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP); trên cơ sở kế thừa một số nội dung còn phù hợp của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, bên cạnh đó, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với quy định mới về tuổi nghỉ hưu tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ và tình hình thực tế đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022-2026 *(Chi tiết các nội dung thay đổi theo Biểu gửi kèm).*

**3. Cơ sở thực tiễn**

***a) Việc thực hiện Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.***

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây viết tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP); Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố. Kết quả như sau:

- Giai đoạn 2015-2021: Thành phố đã giải quyết tinh giản biên chế cho **1.311 đối tượng** (84 công chức, 1.018 viên chức, 208 cán bộ, công chức cấp xã, 01 người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước); trong đó: hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi 1.195 đối tượng, thôi việc ngay 116 đối tượng.

- Giai đoạn 2022-2026: Trong 02 năm 2022, 2023, thành phố đã giải quyết tinh giản biên chế cho **175 đối tượng** (06 công chức, 145 viên chức, 24 cán bộ, công chức cấp xã); trong đó: hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi 143 đối tượng, thôi việc ngay 32 đối tượng.

Đồng thời, để góp phần thúc đẩy việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế và hoàn thành chỉ tiêu tinh giản biên chế của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, tổng số đối tượng đã được hỗ trợ kinh phí từ năm 2019 đến tháng 11/2023 là **688 người** với tổng số kinh phí đã thực hiện hỗ trợ là **124.605.068.305 đồng** (trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 112.992.039.050 đồng; Dự toán tại đơn vị: 11.613.029.255 đồng).

***b) Yêu cầu tinh giản biên chế giai đoạn tiếp theo***

Các năm tiếp theo, thành phố tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Cụ thể:

- Giai đoạn 2022-2026 (03 năm từ 2024 đến 2026), thực hiện tinh giản mỗi năm 36 biên chế công chức và 663 biên chế sự nghiệp, đảm bảo đến năm 2026: (1) Biên chế công chức là **2.722** người (giảm **143** biên chế so với năm 2022; mỗi năm giảm 36 biên chế công chức); (2) Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước là **29.819** người (giảm **3.313** biên chế so với năm 2021, mỗi năm giảm 663 biên chế sự nghiệp). Đồng thời, năm 2024 dự kiến thực hiện sắp xếp, sáp nhập, giảm 50 đơn vị hành chính cấp xã tương ứng giảm **1.000** cán bộ, công chức cấp xã và **600** người hoạt động không chuyên trách cấp xã (trung bình 20 cán bộ, công chức cấp xã và 12 người hoạt động không chuyên trách cấp xã/đơn vị hành chính cấp xã); năm 2026, triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng, theo đó không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường dự kiến sẽ có 87 người giữ các chức danh chuyên trách Hội đồng nhân dân quận, phường dôi dư phải bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ, chính sách.

Như vậy, tổng số người giảm cơ học là **3.784** người (gồm: 3.184 cán bộ, công chức, viên chức và 600 người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

Ngoài ra, trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có thể phát sinh việc sắp xếp thôn, tổ dân phố; theo đó, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố cũng sẽ dôi dư, đặt vấn đề phải xem xét bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ chính sách.

- Giai đoạn 2027-2030: Dự kiến tiếp tục giảm 10% biên chế sự nghiệp so với số giao năm 2026 (dự kiến là 29.819 người làm việc), tương ứng giảm **2.982** người; đồng thời dự kiến tiếp tục sắp xếp, giảm 20 đơn vị hành chính cấp xã tương ứng giảm tiếp **400** cán bộ, công chức cấp xã và **240** người hoạt động không chuyên trách cấp xã (Đối với biên chế công chức chưa có kế hoạch tinh giản cụ thể). Như vậy, tổng số người giảm cơ học là: **3.622** người (gồm 3.382 cán bộ, công chức, viên chức và 240 người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

Như vậy, để khuyến khích, đẩy nhanh việc thực hiện tinh giản biên chế của thành phố trong giai đoạn tới, góp phần hỗ trợ chế độ, chính sách đối với người lao động chịu tác động trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; việc tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách đặc thù của thành phố đối với các đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý là cần thiết. Tuy nhiên, do bổ sung đối tượng mới cần hỗ trợ khi thực hiện tinh giản biên chế và các căn cứ pháp lý, dẫn chiếu để xây dựng Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành, đồng thời để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước hiện nay cũng như điều kiện thực tiễn tại địa phương, cần phải xem xét, ban hành Nghị quyết thay thế 02 Nghị quyết nêu trên.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

- Đẩy mạnh việc thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc cơ cấu lại tổ chức bộ máy và thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Thông qua việc tổ chức triển khai đồng bộ, công khai, minh bạch, cùng với chính sách hỗ trợ hợp lý nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện tinh giản, động viên và tạo điều kiện cho những người hưởng chính sách khi nghỉ việc do sắp xếp tổ chức, đơn vị hành chính, tinh giản biên chế có thêm khoản kinh phí hỗ trợ góp phần ổn định cuộc sống, ổn định tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đảm bảo an sinh xã hội.

- Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với cơ chế tự chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sử dụng hiệu quả ngân sách thành phố.

- Kế thừa các quy định của Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND còn phù hợp với mục tiêu tinh giản biên chế của thành phố, đồng thời bổ sung một số đối tượng tinh giản biên chế được quy định mới tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

- Đảm bảo quyền lợi về chế độ, chính sách cho các đối tượng thực hiện tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý trên cơ sở tương đồng mức hỗ trợ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP giữa các đối tượng.

- Khuyến khích tinh giản biên chế đối với đối tượng dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và đối tượng tự nguyện tinh giản biên chế.

- Đảm bảo công bằng giữa các đối tượng tinh giản biên chế; tạo điều kiện tối đa về chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự nguyện tinh giản biên chế trong khả năng cân đối ngân sách thành phố.

- Đảm bảo mặt bằng chung về mức hỗ trợ giữa Hải Phòng so với các thành phố lớn khác.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã, người làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khối Đảng, đoàn thể, khối chính quyền và các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hải Phòng.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng tinh giản biên chế đã có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức;

- Cán bộ, công chức cấp xã;

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ (sau đây gọi chung là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn);

- Người được tuyển dụng như công chức, viên chức làm việc trong các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tinh giản biên chế trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

b) Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý tự nguyện xin nghỉ công tác trước tuổi (nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc không thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định) và được cấp có thẩm quyền quản lý đồng ý.

**3. Đối tượng không áp dụng**

Không áp dụng đối với đối tượng mà tại thời điểm xét tinh giản biên chế đã có thông báo nghỉ hưu hoặc quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền; người bị truy cứu trách nhiệm hình sự và các trường hợp khác chưa được cấp có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu hoặc thôi việc.

Đối tượng đã hưởng chế độ, chính sách của thành phố theo quy định này, nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện tinh giản biên chế thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả hỗ trợ.

**IV. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

***1. Đề xuất chính sách***

a) Phân loại nhóm đối tượng được hưởng hỗ trợ của thành phố:

- ***Nhóm 1:*** Đối tượng tinh giản biên chế đã có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, gồm:

+ Cán bộ, công chức, viên chức;

+ Cán bộ, công chức cấp xã;

+ Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ (sau đây gọi chung là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn);

+ Người được tuyển dụng như công chức, viên chức làm việc trong các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

***- Nhóm 2:*** Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tinh giản biên chế trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

***- Nhóm 3:*** Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý tự nguyện xin nghỉ công tác trước tuổi (nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc không thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định) và được cấp có thẩm quyền quản lý đồng ý (giữ nguyên theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND).

b) Về chính sách và mức hỗ trợ

(1) Đối tượng thuộc ***Nhóm 1*** được phê duyệt tinh giản biên chế theo các chính sách quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, cụ thể:

- Nghỉ hưu trước tuổi quy định tại **khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 5**;

- Thôi việc ngay quy định tại **khoản 1 Điều 7**;

- Nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội quy định tại **Điều 8**.

*Được hưởng mức hỗ trợ như sau:*

+ Trường hợp dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã: Hỗ trợ **1,5 lần tổng kinh phí** được hưởng theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP (không bao gồm kinh phí được hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP).

+ Trường hợp tinh giản biên chế còn lại: Hỗ trợ **1,0 lần tổng kinh phí** được hưởng theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

- Nghỉ hưu trước tuổi quy định tại **khoản 3, khoản 4 Điều 5** (không được hưởng trợ cấp tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP).

*Được hưởng mức hỗ trợ như sau:* Hỗ trợ **12 tháng tiền lương hiện hưởng**.

(2) Đối tượng thuộc ***Nhóm 2*:** Hỗ trợ **12 tháng phụ cấp hiện hưởng**.

(3) Đối tượng thuộc ***Nhóm 3*:** Hỗ trợ **01 lần tiền lương hiện hưởng** cho mỗi tháng nghỉ trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định, hỗ trợ tối đa không quá 36 tháng tiền lương hiện hưởng.

c) Không hỗ trợ thêm đối với các đối tượng được duyệt tinh giản biên chế theo các chính sách sau:

- Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước **(Điều 6 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP)**: Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, các trường hợp này vẫn tiếp tục công tác.

- Thôi việc sau khi đi học nghề **(khoản 2 Điều 7 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP)**: Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, các trường hợp này vẫn tiếp tục công tác và có cơ hội tìm việc làm mới.

***2. Nội dung dự thảo Nghị quyết***

Trên cơ sở chính sách đề xuất tại khoản 1 nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý gồm 06 điều, cụ thể:

**Điều 1.** Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của thành phố

**Điều 2.** Chính sách hỗ trợ

**Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện

**Điều 4.** Điều khoản chuyển tiếp

**Điều 5.** Tổ chức thực hiện

**Điều 6.** Hiệu lực thi hành

*(kèm theo dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết)*

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí chi trả chế độ, chính sách là nguồn ngân sách thành phố.

Căn cứ số lượng đối tượng tinh giản biên chế hằng năm được cấp có thẩm quyền quyết định, Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị lập dự toán ngân sách, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và phân bổ kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế của thành phố cho các cơ quan, địa phương, đơn vị để đảm bảo quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

**2. Kinh phí thực hiện**

a) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, thành phố đã thực hiện chế độ, chính sách cho 688 đối tượng cụ thể như sau:

| **STT** | **Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng đối tượng đã giải quyết** | **Kinh phí (đồng)** | **Kinh phí trung bình một người** |
| Năm 2019 | 24 | 3.380.644.001 | 140.860.167 | Từ tháng 8/2019 |
| Năm 2020 | 302 | 50.911.573.828 | 168.581.370 |  |
| Năm 2021 | 207 | 40.140.190.957 | 193.913.966 |  |
| Năm 2022 | 22 | 4.239.076.000 | 192.685.273 |  |
| Từ tháng 7/2022 đến tháng 11/2023 | 133 | 27.933.583.519 | 210.026.940 | Chưa bao gồm đối tượng TGBC theo NĐ 29 |
| **TỔNG** | **688** | **124.605.068.305** | **181.112.017** |  |

*(Theo Công văn số 5392/STC-TCHCSN ngày 05/12/2023 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019, sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố )*

Như vậy, đối chiếu với dự kiến số lượng đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND với Tờ trình số 1171/TTrLS-TC-NV ngày 23/5/2018 của liên Sở Nội vụ, Sở Tài chính về cơ chế chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế:

+ Số đối tượng được hưởng chính sách là 688 người/2.490 người (dự kiến tại Tờ trình số 1171/TTrLS-TC-NV) = **27,6%** biên chế tinh giản cơ học được hưởng chế độ chính sách.

+ Tổng kinh phí thực tế là 124,605 tỷ đồng, chiếm 72,8% so với dự kiến kinh phí thực hiện (171,06 tỷ đồng).

+ Trung bình kinh phí thực tế chi trả cho 01 đối tượng là khoảng **181 triệu đồng**, chiếm 176% kinh phí dự kiến chi trả cho 01 đối tượng (kinh phí dự kiến là 103 triệu đồng/người).

b) Dự kiến giai đoạn 2024-2030 (Các số liệu dự kiến tính trên cơ sở trung bình kinh phí chi trả cho một đối tượng giai đoạn 2019-2023 là 181 triệu đồng/người)

Theo Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022, Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị, lộ trình tinh giản biên chế (biên chế công chức và biên chế sự nghiệp) từ năm 2022 đến năm 2026. Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, việc tinh giản biên chế sự nghiệp tiếp tục thực hiện đến năm 2030. Do vậy, tạm thời xây dựng lộ trình dự kiến thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đến năm 2030 và chia thành 02 giai đoạn, cụ thể:

***\* Giai đoạn 2024-2026***

- Số lượng: Dự kiến thực hiện tinh giản biên chế **3.184** cán bộ, công chức, viên chức và **600** người hoạt động không chuyên trách cấp xã (như đã nêu tại điểm b khoản 2 Mục I văn bản này).

- Kinh phí: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách đặc thù của thành phố từ năm 2024 đến năm 2026 là: (3.184 người x 181 triệu đồng) + (600 người hoạt động không chuyên trách cấp xã x 25 triệu đồng)= **591,304** tỷ đồng. Như vậy, bình quân một năm, dự kiến kinh phí thực hiện chính sách đặc thù của thành phố là: 197,101 tỷ đồng (**591,304** tỷ đồng/3 năm).

***\* Giai đoạn 2027-2030:***

- Số lượng: Dự kiến thực hiện tinh giản biên chế **3.382** người cán bộ, công chức, viên chức và **240** người hoạt động không chuyên trách cấp xã (như đã nêu tại điểm b khoản 2 Mục I văn bản này).

- Kinh phí: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách đặc thù của thành phố từ năm 2027 đến năm 2030 là: (3.382 người x 181 triệu đồng) + (240 người hoạt động không chuyên trách cấp xã x 25 triệu đồng) = **618,142** tỷ đồng. Như vậy, bình quân một năm, dự kiến kinh phí thực hiện chính sách đặc thù của thành phố là: 154,535 tỷ đồng/năm (**618,142** tỷ đồng/4 năm).

Dự kiến tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là đối tượng tinh giản biên chế từ năm 2024 đến năm 2030 là: 1.209,446 tỷ đồng (591,304 tỷ đồng + 618,142tỷ đồng). Kinh phí nêu trên tạm tính theo số lượng biên chế phải thực hiện tinh giản của thành phố từ năm 2024-2030.

Trên thực tế, giai đoạn 2019-2023, số lượng đối tượng đã được hưởng chính sách tinh giản biên chế chiếm tỷ trọng không lớn (**27,6%**) trong tổng số biên chế phải thực hiện 2019-2023. Do vậy, tạm thời áp dụng tỷ lệ này để tính kinh phí dự kiến thực hiện cho giai đoạn 2024-2030 là **333,807** tỷ đồng (1.209,446 tỷ đồng x 27,6%).

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 32 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015) *“****Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,*** *các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, có trách nhiệm* ***đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh****”* và khoản 2 Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *“Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân để xem xét, quyết định”.* Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý, cụ thể như sau:

**1. Tên văn bản:** Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý.

**2. Cơ quan chủ trì soạn thảo:**

Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

**3. Về thời gian dự kiến trình thông qua:**

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024*.*

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế và đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi diện Thành ủy quản lý và trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024.

*(Xin gửi kèm theo:*

*- Báo cáo tổng kết việc thực hiện chính sách và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;*

*- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; Bản chụp các ý kiến tham gia;*

*- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết;*

*- Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - TTTU; BTC TU;  - CT, các PCT UBND TP;  - Sở Nội vụ; - Phòng KSTTHC;  - CV: KSTTHC;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Văn Tùng** |